

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2018

V/v: “Ly hôn giữa bà H và ông Hoàng A”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Trọng Mãnh.

2. Bà Trần Thị Lệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Tp. RG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. RG tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Tp. RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 328/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị H, sinh năm 1971.

Địa chỉ cư trú: 157/65/16 D B Tr, phường 1, Quận 8, Tp. HCM. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trịnh Hoàng A, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: 150/9 (số cũ 29/I2) N H S, phường V T V, TP. RG, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/9/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lâm Thị H trình bày: Bà H, ông Hoàng A tự nguyện quen nhau được khoảng 6 năm, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Lý do bà H yêu cầu xin ly hôn: Bà H cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử sinh hoạt thường ngày, về vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng thường hay cự cãi với nhau, đến năm 2010 bà H chuyển lên TP. HCM làm ăn sinh sống, còn ông Hoàng

A vẫn sinh sống, làm ăn ở Tp. RG, vợ chồng cũng ly thân từ năm 2010 cho đến nay, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hiện tại bà H cũng không còn tình cảm yêu thương gì với ông Hoàng A nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H làm đơn xin ly hôn với ông Hoàng A.

Về con chung: Bà H xác nhận có 01 người con chung tên Trịnh Lâm Th, sinh ngày 03/7/1995, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông Hoàng A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa bị đơn ông Trịnh Hoàng A trình bày:*** Ông Hoàng A thống nhất với toàn bộ nội dung mà bà H đã trình bày về quan hệ hôn nhân, về lý do mâu thuẫn vợ chồng, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Ông Hoàng A không có ý kiến gì bổ sung.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng A.

Về con chung: Người con tên Trịnh Lâm Th, sinh ngày 03/7/1995, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông Hoàng A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Hoàng A yêu cầu:

Về hôn nhân: Ông Hoàng A đồng ý thuận tình ly hôn với bà H.

Về con chung: Người con tên Trịnh Lâm Th, sinh ngày 03/7/1995, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Hoàng A và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Hoàng A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nhận định về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa bà H và ông Hoàng A xác nhận: Bà H và ông Hoàng A tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là hôn nhân không hợp pháp.

Tại khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn

không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý. Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có quy định: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Do bà H và ông Hoàng A có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Nay bà H có yêu cầu ly hôn với ông Hoàng A. Căn cứ vào các quy định nêu trên và Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/06/2000 thì quá trình bà H và ông Hoàng A sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong phần nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông Hoàng A.

[2] Về con chung: Bà H và ông Hoàng A xác nhận có 01 người con tên Trịnh Lâm Th, sinh ngày 03/7/1995, đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà H và ông Hoàng A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà H và ông Hoàng A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 11; Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Áp dụng Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000;

Áp dụng Điều 14, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị H và ông Trịnh Hoàng A.

2. Về con chung: Người con tên Trịnh Lâm Th, sinh ngày 03/7/1995, đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét

3. Về tài sản chung: Bà H và ông Hoàng A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà H và ông Hoàng A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Bà H phải nộp 300.000 đồng. Bà H đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008425, ngày 06/9/2018 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự Tp. RG nên bà H được khấu trừ.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- THA DS Tp. Rạch Giá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa